BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2017/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2017*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG-T.HƯNG YÊN
ĐẾN Số: 2613
Ngày 28/4/2017
Chuyển: Phòng KH-TC
Lưu hồ sơ số:

Đề nghị cải thiện

THÔNG TƯ

Quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành tài nguyên và môi trường

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật ngành tài nguyên và môi trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các biện pháp quản lý công tác xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường gồm: lập, phê duyệt, điều chỉnh Chương trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; nội dung và kỹ thuật trình bày định mức kinh tế - kỹ thuật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Bộ).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật (sau đây gọi tắt là định mức): Là mức hao phí cần thiết về lao động về nguyên, nhiên vật liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ và phương tiện để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (hoặc một khối lượng công việc nhất định), trong một điều kiện cụ thể của các hoạt động điều tra cơ bản trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

2. Dụng cụ là loại tài sản không đủ tiêu chuẩn về tài sản cố định theo quy định hiện hành của nhà nước mà người lao động sử dụng để tác động, biến đổi vật liệu thành sản phẩm (kìm, búa, cờ lê, quần áo bảo hộ và các dụng cụ khác tương tự).

3. Vật liệu là đầu vào trong một quá trình sản xuất hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, được người lao động tác động, biến đổi hoàn toàn để thành sản phẩm theo yêu cầu đặt ra.

4. Máy móc thiết bị là công cụ lao động thuộc tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình theo tiêu chuẩn quy định hiện hành của nhà nước về tài sản cố định (không bao gồm nhà xưởng và quyền sử dụng đất) mà người lao động sử dụng để tác động, biến đổi vật liệu thành sản phẩm.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng định mức

1. Tuân thủ theo quy trình kỹ thuật, quy định kỹ thuật hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của sản phẩm được xây dựng định mức và đáp ứng yêu cầu chung về kết cấu của các loại định mức, đảm bảo tính tiên tiến, thống nhất và tính kế thừa (nếu có) của ngành, lĩnh vực.

2. Định mức được xây dựng phải đảm bảo tính ổn định, được thực hiện trong thời gian dài. Khi có sự thay đổi về công nghệ hoặc các yếu tố khác làm cho định mức không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn thì các tổ chức, cá nhân áp dụng định mức có trách nhiệm báo cáo Bộ để xem xét điều chỉnh hoặc xây dựng mới cho phù hợp.

3. Định mức các bước công việc tương tự nhau trong các nhiệm vụ chuyên môn của các lĩnh vực khác nhau thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ cần bảo đảm sự phù hợp, không khác biệt, mâu thuẫn.

4. Đảm bảo sự tập trung thống nhất trong quản lý nhà nước của Bộ về công tác xây dựng định mức; khuyến khích, phát huy quyền chủ động, của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng định mức thuộc ngành tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Kinh phí xây dựng định mức

Kinh phí xây dựng định mức được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn khác. Việc lập, phân bổ, quản lý kinh phí xây dựng định mức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUY TRÌNH XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC

Mục 1
LẬP, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC

Điều 6. Căn cứ lập Chương trình xây dựng định mức

1. Được giao theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Đề xuất của các đơn vị trực thuộc Bộ.

3. Đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trừ các đơn vị nêu tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Lập Chương trình xây dựng định mức

1. Chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 năm cuối của kỳ kế hoạch, các tổ chức, cá nhân gửi đề xuất xây dựng định mức về Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ và đơn vị quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, tổng hợp.

Đề xuất xây dựng định mức của các tổ chức, cá nhân phải nêu rõ: tên định mức, sự cần thiết xây dựng định mức, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ, theo chức năng nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm rà soát, tổng hợp, có ý kiến và đề xuất danh mục định mức thuộc lĩnh vực mình quản lý theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ để xem xét, cho ý kiến trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt.

3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất xây dựng định mức của các đơn vị, Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xem xét cho ý kiến đối với đề xuất xây dựng định mức. Nội dung xem xét, cho ý kiến tập trung vào các vấn đề sau:

a) Sự cần thiết xây dựng định mức;

b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của định mức;

c) Tính thống nhất, khả thi của các nội dung dự kiến xây dựng;

d) Thời gian, khả năng hoàn thành;

đ) Dự kiến kinh phí xây dựng định mức.

4. Trường hợp đề xuất xây dựng định mức phải sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 20 ngày sau khi có ý kiến của Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ, Đơn vị đề xuất danh mục định mức có trách nhiệm tiếp thu, giải

trình, hoàn thiện nội dung danh mục đề xuất và gửi về Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ.

Điều 8. Ban hành Chương trình xây dựng định mức

1. Chương trình xây dựng Định mức được lập theo kỳ kế hoạch từ 03 (ba) đến 05 (năm) năm.

2. Chậm nhất trước ngày 30 tháng 9 năm cuối của kỳ kế hoạch, Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ký ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ (sau đây gọi tắt là Chương trình).

3. Chương trình gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên định mức;

b) Đơn vị chủ trì thực hiện;

c) Đơn vị phối hợp;

d) Thời gian thực hiện;

đ) Các nội dung cần thiết khác.

Điều 9. Điều chỉnh, bổ sung Chương trình

1. Việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình được thực hiện 01 (một) lần vào năm giữa kỳ kế hoạch.

2. Các trường hợp được điều chỉnh, bổ sung:

a) Có sự thay đổi, bổ sung về quy trình công nghệ, quy định kỹ thuật hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Theo yêu cầu thực tế của việc triển khai nhiệm vụ;

c) Theo yêu cầu cấp thiết của công tác quản lý nhà nước.

3. Chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 năm giữa kỳ kế hoạch, Đơn vị được giao chủ trì xây dựng gửi Công văn đề nghị điều chỉnh Chương trình về Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ để xem xét, cho ý kiến.

Văn bản đề nghị điều chỉnh Chương trình phải nêu rõ: Tên văn bản điều chỉnh, nội dung đề xuất điều chỉnh, lý do điều chỉnh. Đối với các trường hợp bổ sung vào Chương trình, hồ sơ, quy trình xem xét, cho ý kiến về đề xuất xây dựng định mức thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

4. Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp, cho ý kiến đối với điều chỉnh Chương trình và báo cáo Thứ trưởng phụ trách trước khi trình Bộ trưởng xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh Chương trình.

5. Trường hợp đặc biệt, việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng định mức ngoài thời điểm trên, các tổ chức, cá nhân gửi đề xuất về cơ quan quản lý nhà nước cùng thời điểm lập kế hoạch hàng năm để tổng hợp và báo cáo Bộ. Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp và trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 10. Theo dõi, đôn đốc, báo cáo việc thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Bảo đảm tiến độ xây dựng, chất lượng định mức;

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình xây dựng định mức và gửi về Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng hoặc cơ quan có thẩm quyền.

c) Thời hạn, hình thức gửi báo cáo: Đơn vị chủ trì thực hiện tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chương trình 06 tháng đầu năm (tính đến ngày 30 tháng 6) trước ngày 15 tháng 7 và cả năm (tính đến ngày 31 tháng 12) trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp theo gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ) để theo dõi và quản lý.

2. Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ có trách nhiệm:

a) Đôn đốc và tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình;

b) Trước ngày 30 tháng 8 hàng năm báo cáo Bộ trưởng tiến độ thực hiện Chương trình.

Mục 2

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH ĐỊNH MỨC

Điều 11. Trình tự xây dựng định mức

1. Các bước xây dựng định mức gồm:

a) Lập danh mục công tác, công việc của nhiệm vụ bảo đảm yêu cầu thể hiện rõ đơn vị tính khối lượng, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ, các điều kiện và biện pháp chủ yếu thực hiện.

b) Xác định thành phần công việc thể hiện các bước công việc hoặc hạng mục công việc đáp ứng yêu cầu quy định kỹ thuật từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành.

c) Tính toán xác định hao phí lao động, máy móc thiết bị, vật tư tiêu hao.

d) Lập các tiết định mức trên cơ sở tổng hợp các hao phí lao động, máy móc thiết bị, vật tư tiêu hao.

2. Quy trình xây dựng, lấy ý kiến dự thảo định mức ban hành kèm theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 12. Thẩm định, ban hành định mức

1. Hồ sơ trình thẩm định nội dung định mức gồm:

a) Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 30 Thông tư số 32/2016/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 32/2016/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2016);

b) Bảng tính thử đơn giá của từng loại sản phẩm được tính trên cơ sở dự thảo định mức và theo hướng dẫn lập dự toán kinh phí thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ, so sánh với chi phí thực tế hoặc đơn giá của sản phẩm đã có mức.

2. Việc thẩm định, ban hành định mức thực hiện theo quy định của Thông tư số 32/2016/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2016.

Chương III
NỘI DUNG VÀ KỸ THUẬT TRÌNH BÀY ĐỊNH MỨC

Điều 13. Nội dung của định mức

Nội dung các định mức bao gồm các thành phần sau:

1. Định mức lao động.

2. Định mức sử dụng thiết bị.

3. Định mức sử dụng công cụ, dụng cụ.

4. Định mức sử dụng vật liệu.

Điều 14. Định mức lao động

1. Định mức lao động là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra nghiệm thu. Nội dung của định mức lao động bao gồm: Lao động kỹ thuật; lao động phục vụ (lao động phổ thông).

a) Lao động kỹ thuật: là lao động được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành về tài nguyên và môi trường và các ngành nghề khác có liên quan, gồm: Kỹ sư, Kỹ thuật viên, Công nhân kỹ thuật;

b) Lao động phục vụ (lao động phổ thông): là lao động giản đơn được thuê mướn để vận chuyển thiết bị, vật tư, dẫn đường và các loại lao động tương tự.

2. Thành phần định mức lao động gồm:

a) Nội dung công việc: liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc.

b) Phân loại khó khăn: nêu các yếu tố cơ bản gây ảnh hưởng đến việc thực hiện bước công việc (yếu tố vùng, miền, địa hình, địa vật, giao thông). Các mức độ ảnh hưởng đến việc thực hiện (hao phí thời gian) chỉ chênh nhau từ 10% đến 20% (cá biệt không quá 30% của các loại, hạng, nhóm liền kề).

c) Định biên: xác định số lượng và cấp bậc lao động kỹ thuật cụ thể phù hợp với yêu cầu thực hiện của từng nội dung công việc.

d) Định mức: thời gian lao động trực tiếp cần thiết hoàn thành một sản phẩm; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm. Các mức lao động ngoại nghiệp, nếu công việc có lao động phục vụ (lao động phổ thông) thể hiện dưới dạng phân số, trong đó tử số là mức lao động kỹ thuật (tính theo công nhóm, công cá nhân); mẫu số là mức lao động phổ thông (tính theo công đơn).

3. Công lao động bao gồm:

a) Công đơn (công cá nhân): là mức (8 giờ đối với lao động bình thường và 6 giờ đối với lao động nặng nhọc) lao động xác định cho một cá nhân có cấp bậc kỹ thuật cụ thể, trực tiếp thực hiện một bước công việc tạo ra sản phẩm.

b) Công nhóm: là mức lao động xác định cho một nhóm người có cấp bậc kỹ thuật cụ thể, trực tiếp thực hiện một bước công việc tạo ra sản phẩm.

c) Tháng công: là mức lao động xác định cho một người có cấp bậc kỹ thuật cụ thể, trực tiếp thực hiện một bước hoặc một phần công việc tạo ra sản phẩm.

4. Thời gian lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

Điều 15. Định mức sử dụng máy móc thiết bị

Nội dung định mức sử dụng máy móc thiết bị phải xây dựng gồm:

1. Xác định danh mục máy móc thiết bị, phần mềm cần thiết để sản xuất theo từng nội dung công việc tạo ra một đơn vị sản phẩm. Đối với những máy móc thiết bị có sử dụng điện hoặc sử dụng nhiên liệu cần được xác định công suất tiêu hao của từng loại máy móc thiết bị.

2. Xác định số ca người lao động trực tiếp sử dụng máy móc thiết bị, phần mềm cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

3. Xác định định mức tiêu hao điện năng, tiêu hao nhiên liệu trong thời gian sử dụng máy móc thiết bị để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm phù hợp với công suất tiêu hao của máy móc thiết bị.

4. Thời hạn sử dụng máy móc thiết bị: theo quy định hiện hành của nhà nước.

5. Đơn vị sản phẩm tính mức phải tương ứng với đơn vị sản phẩm phần định mức lao động và định mức vật liệu, dụng cụ. Trường hợp định mức máy móc thiết bị tính chung cho sản phẩm cuối cùng (cho nhiều bước công việc) thì xác định hệ số phân bổ mức cho từng bước công việc tương ứng ở phần định mức lao động.

Điều 16. Định mức sử dụng dụng cụ

Nội dung định mức dụng cụ phải xây dựng gồm:

1. Xác định danh mục dụng cụ cần thiết để sản xuất theo từng nội dung công việc tạo ra một đơn vị sản phẩm, đối với những công cụ, dụng cụ có sử dụng điện hoặc sử dụng nhiên liệu cần được xác định công suất tiêu hao.

2. Xác định thời hạn sử dụng dụng cụ được phân làm các nhóm cơ bản sau:

a) Các loại bảo hộ lao động: thời hạn sử dụng của từng loại theo quy định hiện hành;

b) Các dụng cụ đồ thủy tinh (chai, lọ đựng mẫu, đựng hóa chất, bóng đèn điện và các dụng cụ tương tự): thời hạn sử dụng là 01 năm (12 tháng);

c) Các dụng cụ đồ nhựa (thước kẻ các loại, hộp, ống đựng và các dụng cụ tương tự): thời hạn sử dụng là 03 năm (36 tháng);

d) Các dụng cụ đồ gỗ (bàn, ghế, tủ và các dụng cụ tương tự): thời hạn sử dụng là 05 năm (60 tháng);

đ) Các dụng cụ đào đất, xây mốc, chặt cây (cuốc, xẻng, cưa, dao, kéo, thước sắt và các dụng cụ tương tự): thời hạn sử dụng là 02 năm (24 tháng); trường hợp sử dụng các dụng cụ cao cấp hơn (máy cưa, máy đào đất) thì thời hạn sử dụng là 05 năm (60 tháng);

e) Các dụng cụ điện tử (máy in, máy tính tay, máy ảnh, máy hút ẩm, máy hút bụi, quạt và các dụng cụ tương tự): thời hạn sử dụng là 05 năm (60 tháng).

3. Xác định số ca dụng cụ được người lao động trực tiếp sử dụng để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm trong điều kiện bình thường, bao gồm cả tiêu hao năng lượng, nhiên liệu trong quá trình sử dụng thiết bị, dụng cụ phù hợp với công suất tiêu hao của dụng cụ.

4. Xác định định mức tiêu hao điện năng, tiêu hao nhiên liệu trong thời gian sử dụng dụng cụ để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

5. Mức cho các dụng cụ có giá trị thấp chưa được quy định trong các bảng định mức dụng cụ được tính thêm không quá 5% mức dụng cụ trong Bảng tương ứng.

6. Đơn vị sản phẩm tính mức phải tương ứng với đơn vị sản phẩm phần định mức lao động và định mức vật liệu. Trường hợp định mức dụng cụ tính chung cho sản phẩm cuối cùng (cho nhiều bước công việc) thì xác định hệ số phân bổ mức cho từng bước công việc tương ứng ở phần định mức lao động.

Điều 17. Định mức sử dụng vật liệu

Nội dung định mức sử dụng vật liệu phải xây dựng gồm:

1. Xác định danh mục vật liệu cần thiết để sản xuất theo từng nội dung công việc tạo ra một đơn vị sản phẩm.

2. Xác định số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

a) Đơn vị sản phẩm tính mức phải tương ứng với đơn vị sản phẩm phần định mức lao động. Trường hợp định mức vật liệu tính chung cho sản phẩm cuối cùng (cho nhiều bước công việc) thì xác định hệ số phân bổ mức cho từng bước công việc tương ứng ở phần định mức lao động.

b) Mức vật liệu có giá trị thấp chưa được quy định trong các bảng định mức vật liệu được tính bằng 8% mức vật liệu trong Bảng tương ứng (bao gồm cả tỷ lệ hao hụt vật liệu do vận chuyển, thi công (nếu có)).

Điều 18. Phương pháp xây dựng định mức

Các tổ chức, cá nhân tuỳ theo đặc điểm kinh tế - kỹ thuật cụ thể mà quyết định vận dụng đồng thời hoặc một trong các phương pháp thích hợp sau đây:

1. Phương pháp thống kê, tổng hợp: là phương pháp xây dựng mức dựa vào các tài liệu thu thập (khảo sát, chụp ảnh, bấm giờ và các phương pháp khác tương tự) về hao phí thời gian lao động, hao phí vật liệu và thời gian sử dụng các loại dụng cụ, thiết bị thực tế để hoàn thành công việc, sản phẩm cần xây dựng mức.

2. Phương pháp so sánh: là phương pháp xây dựng mức dựa vào các định mức của công việc, sản phẩm tương đương đã thực hiện trong thực tế.

3. Phương pháp kinh nghiệm: là phương pháp xây dựng mức dựa vào kinh nghiệm tích lũy được của cán bộ định mức hoặc công nhân kỹ thuật.

4. Phương pháp phân tích: là phương pháp xây dựng mức dựa trên cơ sở phân tích phân tích tính chất phức tạp của các khâu công việc thời gian thực hiện, trình độ cán bộ tham gia thực hiện các khâu công việc, trình độ kỹ thuật công nghệ, điều kiện làm việc để tính toán định mức lao động cho từng khâu công việc cụ thể của một quy trình nghiệp vụ. (Bao gồm: phân tích khảo sát, phân tích tính toán).

5. Phương pháp tiêu chuẩn: là căn cứ vào những tiêu chuẩn, quy định của nhà nước về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi để xây dựng định mức lao động cho từng công việc.

Điều 19. Bố cục của định mức

1. Định mức được xây dựng theo một trong hai cấu trúc sau:

a) Định mức được xây dựng theo cấu trúc đầy đủ mức thành phần của từng bước công việc;

b) Định mức được xây dựng theo cấu trúc cho từng mức thành phần của cả quy trình kỹ thuật.

2. Bố cục của định mức gồm 02 phần chính: Quy định chung và định mức

a) Quy định chung của định mức phải nêu rõ: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; Cơ sở xây dựng và chỉnh lý định mức; Quy định viết tắt; Hệ số điều chỉnh chung do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết, điều kiện tự nhiên kinh tế-xã hội.

b) Định mức thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được bố cục theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Định mức thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được bố cục theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 5 năm 2017.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Đơn vị tham mưu, tổng hợp về công tác kế hoạch của Bộ chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá, tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Chu Phạm Ngọc Hiển

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng TTĐT Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, PC, KH.

Mẫu số 01. Đề xuất Danh mục xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật

(Kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BTNMT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Tên cơ quan đề xuất nhiệm vụ)

ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KT-KT GIAI ĐOẠN NĂM ...

STT	Danh mục	Sự cần thiết	Cơ sở pháp lý	Cơ sở khoa học (*)	Thời gian thực hiện			Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú (*)
					Bắt đầu (Tháng/năm)	Trình Bộ (Tháng/năm)	Ban hành (Tháng/năm)			
1		1. 2. 3. ...	1. 2. 3. ...	...						
2		....	....	....						
3		....	....	....						
...										

Ghi chú: (*)

1. Cơ sở khoa học

a) Nếu đã có quy trình kỹ thuật, quy định kỹ thuật hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Ghi số quyết định, thời gian, cấp ký ban hành.

b) Nếu chưa có quy trình kỹ thuật, quy định kỹ thuật hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Ghi chưa có.

c) Nếu đang xây dựng quy trình kỹ thuật, quy định kỹ thuật: Ghi đang xây dựng quy trình kỹ thuật; đang xây dựng quy định kỹ thuật.

d) Nếu đang điều chỉnh quy trình kỹ thuật, quy định kỹ thuật hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Ghi đang điều chỉnh quy trình kỹ thuật; đang điều chỉnh quy định kỹ thuật; đang điều chỉnh quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Cột Ghi chú: Ghi tên Tổ chức, cá nhân đề xuất.

Mẫu số 02: Định mức kinh tế-kỹ thuật xây dựng theo cấu trúc đầy đủ mức thành phần của từng bước công việc

(Kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BTNMT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

(Tên Sản phẩm ban hành định mức)

(Ban hành kèm theo.....)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh (các sản phẩm xây dựng mức)

2. Đối tượng áp dụng

3. Cơ sở xây dựng và chỉnh lý định mức kinh tế - kỹ thuật

4) Quy định viết tắt

5) Hệ số điều chỉnh chung do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết, điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội,...

6. Các Quy định khác (nếu có)

7. Trong quá trình áp dụng Định mức Kinh tế - kỹ thuật này, nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, điều chỉnh kịp thời.

Phần II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Sản phẩm thứ 1

1.1. Định mức lao động

1.1.1. Nội dung công việc

1.1.2. Phân loại khó khăn

1.1.3. Định biên

Bảng số 01

TT	Loại lao động / Hạng mục	Kỹ thuật viên	Kỹ sư	…	Số lượng Nhóm
1		Số lượng	Số lượng		Tổng số
2		Số lượng	Số lượng		Tổng số
…					

1.1.4. Định mức

Bảng số 02

TT	Danh mục Công việc	ĐVT	KK1	KK2	…
2					
…					

1.2. Định mức thiết bị

Bảng số 03

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	KK1	KK2	…
1					
2					
…					

1.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 04

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức/Sản phẩm tính mức
1				
2				
…				

1.4. Định mức vật liệu

Bảng số 05

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức/Sản phẩm tính mức
1			
2			
…			

2. Sản phẩm thứ 2

1.1.1. Nội dung công việc

1.1.2. Phân loại khó khăn

1.1.3. Định biên

Bảng số 06

TT	Loại lao động / Hạng mục	Kỹ thuật viên	Kỹ sư	…	Số lượng Nhóm
1		Số lượng	Số lượng		Tổng số
2		Số lượng	Số lượng		Tổng số
…					

1.1.4. Định mức

Bảng số 07

TT	Danh mục Công việc	ĐVT	KK1	KK2	…
2					
…					

1.2. Định mức thiết bị

Bảng số 08

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	KK1	KK2	…
1					
2					
…					

1.3. Định mức dụng cụ

Bảng số 09

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức/Sản phẩm tính mức
1				
2				
…				

1.4. Định mức vật liệu

Bảng số 10

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức/Sản phẩm tính mức
1			
2			
…			

…

…

…

n. Sản phẩm thứ n

Bảng số n

Lưu ý: *Các bảng mức phải đánh số thứ tự từ đầu đến cuối trong 01 Bộ định mức (Không phân biệt thuộc mục nào).*

Mẫu số 03: Định mức kinh tế-kỹ thuật xây dựng theo cấu trúc cho từng mức thành phần của cả quy trình kỹ thuật

(Kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BTNMT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

(Tên Sản phẩm ban hành định mức)

(*Ban hành kèm theo.....)*

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh (các sản phẩm xây dựng mức)

2. Đối tượng áp dụng

3. Cơ sở xây dựng và chỉnh lý định mức kinh tế - kỹ thuật

4) Quy định viết tắt

5) Hệ số điều chỉnh chung do ảnh hưởng của yếu tố thời tiết, điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội,...

6. Các Quy định khác (nếu có)

7. Trong quá trình áp dụng Định mức Kinh tế - kỹ thuật này, nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, điều chỉnh kịp thời.

Phần II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

1.1. Sản phẩm thứ 1

1.1.1. Nội dung công việc

1.1.2. Phân loại khó khăn

1.1.3. Định biên

Bảng số 01

TT	Loại lao động / Hạng mục	Kỹ thuật viên	Kỹ sư	…	Số lượng Nhóm
1		Số lượng	Số lượng		
2		Số lượng	Số lượng		
…					

1.1.4. Định mức

Bảng số 02

TT	Danh mục Công việc	ĐVT	KK1	KK2	…
2					
…					

1.2. Sản phẩm thứ 2

1.1.1. Nội dung công việc

1.1.2. Phân loại khó khăn

1.1.3. Định biên

Bảng số 03

TT	Loại lao động / Hạng mục	Kỹ thuật viên	Kỹ sư	…	Số lượng Nhóm
1		Số lượng	Số lượng		
2		Số lượng	Số lượng		
…					

1.1.4. Định mức

…

…

1.n. Sản phẩm số n

Bảng số n

2. Định mức thiết bị

2.1. Sản phẩm thứ 1

Bảng số 04

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	KK1	KK2	…
1					
2					
…					

2.2. Sản phẩm thứ 2

Bảng số 05

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	KK1	KK2	...
1					
2					
...					

...

2.n. Sản phẩm thứ n

Bảng số n

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	KK1	KK2	...
1					
2					
...					

3. Định mức dụng cụ

3.1. Sản phẩm thứ 1

Bảng số 06

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức/Sản phẩm tính mức
1				
2				
...				

3.2. Sản phẩm thứ 2

Bảng số 07

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức/Sản phẩm tính mức
1				
2				
...				

...

3.n. Sản phẩm thứ n

Bảng số n

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức/Sản phẩm tính mức
1				
2				
...				

4. Định mức vật liệu

4.1. Sản phẩm thứ 1

Bảng số 08

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức/Sản phẩm tính mức
1			
2			
...			

4.2. Sản phẩm thứ 2

Bảng số 09

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức/Sản phẩm tính mức
1			
2			
...			

...

4.n. Sản phẩm thứ n

Bảng số n

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức/Sản phẩm tính mức
1			
2			
...			

Lưu ý: *Các bảng mức phải đánh số thứ tự từ đầu đến cuối trong 01 Bộ định mức (Không phân biệt thuộc mục nào).*